

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HOÁ
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/02/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh T1 và bà Tường Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 282/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ma Đình V, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Đ, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Ma Thị T, sinh năm 1988. Thôn Đ, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt lần 02, đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nội dung bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ma Đình V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Đình V và chị Ma Thị T được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 14/9/2010 tại UBND xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, anh V, chị T chung sống tại thôn Đ, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh V cho rằng do chị T có thay đổi nhiều về tính nết, không quan tâm đến chồng con, vợ chồng

thường xuyên xảy ra tranh cãi, anh V nghi ngờ chị T có mối quan hệ với người đàn ông khác nên mâu thuẫn giữa anh V và chị T ngày càng trầm trọng hơn. Anh V và chị T đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Anh V xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được, anh V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ma Thị T.

- Về con chung: Anh Ma Đình V và chị Ma Thị T có 02 con chung là cháu Ma Thanh T1, sinh ngày 17/10/2017 và cháu Ma Thanh T2, sinh ngày 15/5/2012. Anh V có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ma Đình V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không thay đổi, bổ sung gì.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 cho đến tại phiên tòa, bị đơn chị Ma Thị T đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với ông Ma Văn B, địa chỉ tại thôn Hùng Tiến, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (là bố đẻ của chị Ma Thị T), ông Ma Văn H1, công an viên thôn Đ, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang và Công an xã HM, huyện Chiêm Hóa xác định chị Ma Thị T có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tuy nhiên thực tế hiện nay chị T đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, ông B xác nhận thỉnh thoảng chị T có về thăm gia đình vào các dịp lễ tết và hiện nay không biết cụ thể địa chỉ tạm trú cũng như khi nào chị T mới trở về gia đình và địa phương. Theo ông B cho biết: Anh V và chị T tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2010 tại UBND xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh V và chị T về chung sống cùng gia đình nhà bố mẹ đẻ của anh V tại thôn Đ, xã HM, huyện Chiêm Hóa. Cuộc sống của anh V và chị T hòa thuận, hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì, cho đến khoảng tháng 9 năm 2023 thì gia đình ông Ma Văn B được biết anh V và chị T có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì thì ông B không nắm được, chỉ xác định là hiện nay anh V và chị T không còn chung sống với nhau nữa, đã sống ly thân. Anh V hiện đang làm việc và sinh sống tại thôn Đ, xã HM, huyện Chiêm Hóa, còn chị T đã đi làm ăn xa từ năm 2020 đến nay, hiện chị T đang làm việc, sinh sống ở đâu thì gia đình ông B không nắm được địa chỉ cụ thể, chỉ liên lạc được với chị T qua điện thoại. Ông B có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và cam kết thông báo cho chị Ma Thị T biết

về việc anh Ma Đình V có đơn xin ly hôn (thông tin qua điện thoại di động cho chị T).

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 15/11/2023 cháu Ma Thanh T2, sinh ngày 15/5/2012 trình bày sau khi anh V và chị T ly hôn nguyện vọng mong muốn được bố trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ma Đình V, cho anh Ma Đình V được ly hôn chị Ma Thị T.

Về con chung: Giao cháu Ma Thanh T2, sinh ngày 15/5/2012 và cháu Ma Thanh T1, sinh ngày 17/10/2017 cho anh Ma Đình V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Ma Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Ma Đình V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Ma Thị T không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Ma Đình V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Ma Thị T; chị Ma Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc

"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Theo cung cấp của Công an xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì chị Ma Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị T đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị T đến Tòa án để làm việc nhưng chị T vắng mặt không có lý do, chị T đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ma Đình V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện, bị đơn chị Ma Thị T vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Ma Đình V và chị Ma Thị T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu cho đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra nhiều cãi vã, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, chị T đi làm ăn xa nhà nên vợ chồng không có điều kiện quan tâm chăm sóc gia đình và đã ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay, anh V xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Ma Thị T.

Qua quá trình xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị T đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 10/11/2023 (BL 36) thấy rằng anh V và chị T đã sống ly thân, kể từ khi ly thân, giữa anh V và chị T không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, do vậy giữa anh V và chị T không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ma Đình V, cho anh V được ly hôn chị Ma Thị T.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa anh Ma Đình V và chị Ma Thị T có 02 con chung là cháu Ma Thanh T2, sinh ngày 15/5/2012 và cháu Ma Thanh T1, sinh ngày 17/10/2017, anh V có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Quá trình xác minh xác định hiện chị Ma Thị T không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan

điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con. Tại biên bản ghi ý kiến cháu T2 có nguyện vọng được ở với anh V sau khi anh V và chị T ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng chị T hiện không có mặt tại gia đình và địa phương, không xác định được địa chỉ cụ thể của chị T, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị T vẫn cố tình vắng mặt, không có văn bản hoặc ý kiến thể hiện quan điểm nguyện vọng về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên để đảm bảo cho quyền lợi về mọi mặt của cháu T2 và cháu T1, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Ma Thanh T2 và cháu Ma Thanh T1 cho anh Ma Đình V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Ma Đình V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh Ma Đình V không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Ma Đình V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Ma Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ma Đình V, cho anh Ma Đình V được ly hôn chị Ma Thị T.

2. Về con chung: Giao các cháu Ma Thanh T2, sinh ngày 15/5/2012 và cháu Ma Thanh T1, sinh ngày 17/10/2017 cho anh Ma Đình V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ma Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Ma Đình V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng). Anh V đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000745286 ngày 27/10/2023 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001469, ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (anh V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Chị Ma Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã HM, huyện Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh

